TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2024/DS-ST Ngày: 26-6-2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 30/10/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 352/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường T**, sinh năm 1973 và bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Đội 5, tổ 31, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S, ông T, bà P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023 và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn ông Huỳnh Văn S trình bày***:

Gia đình ông Huỳnh Văn S có mở đại lý buôn bán cám tại ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P nuôi heo và mua cám của ông S theo hình thức gối đầu, cụ thể khi mua số cám mới thì ông T, bà P sẽ trả tiền số cám cũ đã mua. Do hai bên làm ăn mua bán với nhau đã lâu nên ông S không nhớ thời gian cụ thể. Khi mua bán thì ông S có làm sổ sách theo dõi và ghi chép lại. Đến ngày 07/12/2022 thì giữa ông S, bà P, ông T đã ngồi chốt lại số tiền ông T, bà P còn nợ tiền cám của ông S là 460.848.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng), sau đó ông T, bà P có thanh toán trả được cho ông S 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ngoài ra không thanh toán được số tiền nào khác.

Việc mua bán cám trên thì vợ ông S là bà Ngô Thị Ngọc L không biết, số tiền đầu tư lấy cám cũng là tiền cá nhân của ông S. Bà L chỉ làm công việc nội trợ ở nhà còn ông S trực tiếp mua bán cám với ông T, bà P nên ông S đề nghị Tòa án không đưa bà L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông Huỳnh Văn S yêu cầu ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho ông S số tiền là 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng). Ông S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra ông Huỳnh Văn S không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P không hợp tác đến Tòa án làm việc nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2024 thì ông T, bà P trình bày:**

Do thời gian đã lâu ông T, bà P không nhớ rõ mà chỉ nhớ vào thời điểm dịch heo châu phi thì ông T, bà P có mua cám của đại lý Huỳnh S do ông Huỳnh Văn S làm chủ đại lý. Ông T, bà P mua cám theo hình thức trả gối đầu, tức là ông S sẽ cung cấp cám cho ông T, bà P nuôi heo đến khi nào xuất heo thì ông T, bà P thanh toán tiền cho ông S. Việc hai bên mua bán cám với nhau đã từ lâu nên tin tưởng, mỗi lần ông T, bà P mua cám của ông S thì không có sổ sách theo dõi chỉ có ông S ghi sổ sách sau đó quyết toán tiền với nhau.

Đến tháng 12/2022, cụ thể là ngày 07/12/2022 giữa ông T, bà P và ông S đã chốt sổ và thống nhất số tiền ông, bà còn nợ của ông S là 460.848.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và ông T, bà P cam kết trả cho ông S số tiền hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Ông T, bà P đã được Tòa án cho xem tài liệu, chứng cứ do ông S cung cấp là một quyển sổ gồm 4 tờ giấy ghi các lần ông T, bà P mua cám của ông S. Ông T, bà P thừa nhận các lần mua cám giữa hai bên theo sổ theo dõi trên do ông S nộp cho Tòa án là đúng.

Ông T, bà P thừa nhận đến đến ngày 07/12/2022 ông T, bà P còn nợ tiền cám của ông S là 460.848.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Sau khi hai bên chốt nợ thì ông T, bà P mới chỉ thanh toán trả cho ông S được số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Do dịch tả lợn châu phi nên ông T, bà P không thanh toán đủ số tiền trên cho ông S.

Nay ông T,bà P thừa nhận còn nợ số tiền cám của ông S là 455.848.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và đồng ý hàng tháng trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho ông S. Ông T, bà P đã nhận được bản phô tô đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên ông T, bà P không đến Tòa án làm việc được.

Sau khi lấy lời khai trên ông T, bà P đã được Tòa án đọc lại toàn bộ biên bản trên cho ông T, bà P nghe, ông bà công nhận toàn bộ lời khai trên là đúng sự thật nhưng ông T, bà P không đồng ý ký tên trên biên bản trên vì mong muốn ông S rút đơn khởi kiện, hàng tháng ông T, bà P sẽ trả cho ông S 1.000.000đ (một triệu đồng).

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa: Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tống đạt cho đương sự đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Trường T số tiền nợ cám là 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P thanh toán số tiền nợ trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc (mua bán cám) nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P hiện cư trú tại đội 5, tổ 31, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các

Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận các tình tiết, sự kiện sau:

[2.1] Ông Huỳnh Văn S và ông Nguyễn Trường T, bà Nguyễn Thị P có mua bán cám với nhau từ lâu. Khi mua bán cám thì chỉ có ông S lập sổ sách theo dõi còn ông T, bà P do tin tưởng nên không lập sổ sách theo dõi. Ngày 07/12/2022 ông T, bà P và ông S chốt nợ với nhau theo đó ông T, bà P còn nợ tiền cám của ông S là 460.848.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Sau khi hai bên chốt nợ thì ông T, bà P mới chỉ thanh toán trả cho ông S được số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đến nay ông T, bà P còn nợ số tiền của ông S là 455.848.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Do đó, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Văn S: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Huỳnh Văn S là đại lý bán cám, giữa ông S và ông T, bà P đã mua bán cám với nhau từ lâu. Đến ngày 07/12/2022 ông T, bà P chốt sổ còn nợ tiền cám của ông S là 460.848.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Sau khi hai bên chốt nợ thì ông T, bà P mới chỉ thanh toán trả cho ông S được số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông S đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà P thanh toán số tiền nợ cám trên nhưng ông T, bà P không thanh toán số tiền nợ nên ông S đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P nhưng ông T, bà P không hợp tác đến Tòa án làm việc cho thấy bị đơn cố tình né tránh, không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn.

Từ những lập luận trên có đủ cơ sở để xác định việc ông S bán cám cho ông T, bà P là có thực và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Xét yêu cầu của ông Huỳnh Văn S buộc ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ cho ông T là 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 161,Điều 185; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 433 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Huỳnh Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua ván thức ăn gia súc" đối với bị đơn ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho ông Huỳnh Văn S số tiền nợ cám là 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền phải xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị P phải nộp 22.200.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.Thống Nhất;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS H. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Thành